

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 79/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 09/5/2025.
V/v: Xin ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Như Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Đình Bản.
2. Ông Tường Duy Bình.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Định, thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thanh Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 77/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 về việc xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXX-ST ngày 23 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mùi Thị V, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Bản K, xã N, huyện M, tỉnh S, nay là bản K, xã Đ, thị xã M, tỉnh S, có mặt.

- Bị đơn: Anh Mùi Văn Q, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Bản K, xã N, huyện M, tỉnh S, nay là bản K, xã Đ, thị xã M, tỉnh S, có mặt.

Người có Quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Bà Mùi Thị T, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Bản K, xã N, huyện M, tỉnh S, nay là bản K, xã Đ, thị xã M, tỉnh S, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn nộp ngày 11/3/2025, bản tự khai tại Tòa án và lời khai tại phiên tòa nguyên đơn chị Mùi Thị V trình bày:

Chị V và anh Mùi Văn Q kết hôn với nhau vào ngày 01/01/2006. Khi kết hôn chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Sau ngày cưới anh Q về ở nhà chị ở để theo phong tục tập quán, sau đó chị và anh Mùi Văn Q được bố mẹ chị cho mượn đất làm nhà ở, cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến ngày tháng 12 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung.

Hiện nay chị và anh Q đã sống ly thân với nhau từ cuối tháng 12/2024.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị V đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La giải quyết cho chị được ly hôn với anh Mùi Văn Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị và anh Q có với nhau 02 con là cháu Mùi Nguyệt L, sinh ngày 01/01/2007 hiện nay cháu đã trưởng thành trên 18, cháu Mùi Thị Kim H, sinh ngày 31/10/2011. Nếu ly hôn nguyện vọng của cháu H ở với ai là Q của cháu.

Trường hợp cháu H ở với chị V, chị không yêu cầu anh Q phải đóng góp tiền nuôi con cùng chị.

Trường hợp cháu H ở với anh Q, anh Q yêu cầu chị phải đóng góp tiền nuôi cháu H cùng anh Q, chị xin đóng góp 01 tháng là 2.000.000đ, vì chị không có thu nhập ổn định.

Về Tài sản chung: Trong thời gian sống chung chị và anh Q có làm được 01 ngôi nhà cấp 4, 03 phòng ngủ, 01 phòng khách, nhà xây năm 2016. Lúc xây hoàn thiện nhà trị giá 150.000.0000 đồng, nhà xây trên đất của bố mẹ chị V cho mượn, bố mẹ chị là ông Mùi Văn L và bà Mùi Thị T (Hiện nay ông Long đã chết).

Về vay nợ chung: Không có.

Về án phí: Chị V xin tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Ý kiến trình bày của bị đơn anh Mùi Văn Q như sau:

Anh Mùi Văn Q hoàn toàn nhất trí như ý kiến trình bày của chị Mùi Thị V về thời gian và điều kiện kết hôn, thời gian chung sống của vợ chồng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không có tiếng nói chung, hiện nay hai anh chị đã sống ly thân từ tháng 12/2024. Tuy nhiên anh xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh đề nghị Tòa án nhân dân thị xã Mộc Châu giải quyết cho anh được xin đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị V có với nhau 02 con là cháu Mùi Nguyệt L, sinh ngày 01/01/2007 hiện nay cháu đã trưởng thành trên 18, cháu Mùi Thị Kim H, sinh ngày 31/10/2011. Nếu ly hôn nguyện vọng của cháu H ở với ai là Q của cháu.

Trường hợp cháu H ở với anh Q, anh yêu cầu chị V đóng góp tiền nuôi con cùng anh một tháng là 5.000.000đ/tháng .

Về tài sản chung: Trong thời gian sống chung anh và chị V có làm được 01 ngôi nhà cấp 4, nhà xây 03 phòng ngủ, 01 phòng khách, nhà xây năm 2016. Lúc xây hoàn thiện nhà trị giá 150.000.0000 đồng, nhà xây trên đất của bố mẹ chị V là ông Mùi Văn Long và bà Mùi Thị T cho mượn.

Nếu trường hợp vợ chồng ly hôn, anh Q tự nguyện giao lại toàn bộ tài sản cho chị V và hai con là Mùi Nguyệt L và cháu Mùi Thị Kim H sử dụng, không yêu cầu chị V phải trả lại tiền chênh lệch tài sản cho anh. Do anh không tranh chấp về tài sản nên anh không yêu cầu Tòa án phải định giá giải quyết.

Về vay nợ chung: Không có.

Ngoài ra không có yêu cầu hay đề nghị gì thêm.

Người có QLNVLQ bà Mùi Thị T trình bày.

Bà là mẹ đẻ của chị V.

Sau khi chị V và anh Q kết hôn với nhau, vợ chồng bà có cho chị V, anh Q mượn đất làm nhà, nay hai anh chị không ở được với nhau nữa bà T yêu cầu chị V và anh Q trả lại diện tích đất mà bà cho chị V, anh Q mượn để làm nhà ở, đất chưa có Giấy chứng nhận Q sử dụng đất.

Ngoài ra không yêu cầu đề nghị gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Mộc Châu phát biểu ý kiến như sau:

- Về việc chấp hành nguyên tắc xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử chấp hành đúng các nguyên tắc xét xử quy định tại các Điều 11, 12, 15, 17, 24, 25 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về thành phần hội đồng xét xử: Đúng quy định tại Điều 63 Bộ luật tố tụng dân sự, đúng như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Trình tự, thủ tục tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định tại Điều 239, 243, 247, 249, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 59 Luật hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị:

1. Xử cho chị Mùi Thị V và anh Mùi Văn Q được ly hôn.

2. Về con chung:

Đối với cháu Mùi Nguyệt L, sinh ngày 01/01/2007 hiện nay cháu đã trưởng thành trên 18, cháu không mất năng lực hành vi dân sự, nên không đề cập giao cụ thể cho ai trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu Mùi Thị Kim H, sinh ngày 31/10/2011 cho chị Mùi Thị V trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho anh Q do chị V chưa yêu cầu.

Không bên nào được cản trở Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung:

Giao cho chị Mùi Thị V được quản lý sử dụng 01 ngôi nhà xây cấp 4, 03 phòng ngủ, 01 phòng khách được xây trên đất của bà Mùi Thị T (mẹ đẻ chị Mùi Thị V), chị Mùi Thị V không phải trả lại tiền chênh lệch tài sản cho anh Mùi Văn Q vì anh Mùi Văn Q không yêu cầu.

4. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ ai, nên không đề cập việc giải quyết.

5. Chị Mùi Thị V có trách nhiệm trả lại cho bà Mùi Thị T diện tích đất đã mượn làm nhà ở khi bà Mùi Thị T yêu cầu.

6. Về án phí: Chị Mùi Thị V phải chịu án phí DS/ST và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ kiện, nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn đã có bản tự khai trình bày ý kiến nguyện vọng của mình.

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan bà Mùi Thị T đã có bản tự khai, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt người có Q lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị V và anh Q kết hôn với nhau từ ngày 01/01/2006. Khi kết hôn chị V và anh Q đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nà Mường, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. (nay là xã Đoàn Kết, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La), nên được pháp luật

bảo vệ.

Sau khi kết hôn anh Q về nhà chị V ở dễ một thời gian, sau đó hai anh chị ra ở riêng được bố, mẹ chị V là ông Mùi Văn Long và bà Mùi Thị T cho mượn đất làm nhà, cuộc sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, hiện nay chị V và anh Q đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2024, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn chị V đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q. Mặc dù các lần hòa giải anh Q vẫn giữ nguyên ý kiến được đoàn tụ gia đình.

Tòa án cũng đã xác minh với chính Q địa phương để xác định tình trạng hôn nhân của hai anh chị, được biết.

Cuộc sống thời gian đầu của chị V và anh Q hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh Q hay tụ tập rượu chè, không chị khó làm ăn, hay ghen. Sự việc cũng đã được chính Q bản khuyên ngăn nhiều nhưng anh Q không sửa chữa.

Từ năm 2018 chị V đi làm ở Hưng Yên, thi thoảng có về nhưng về lại ở nhà mẹ đẻ. Không ở cùng nhà với nhau nữa.

Tại phiên tòa hôm nay chị V vẫn giữ nguyên ý kiến xin được ly hôn với anh Q, anh Q cũng nhất trí ly hôn với chị V,

Tòa án xét thấy, cuộc sống chung của vợ chồng chị V và anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hai anh chị đã sống ly thân với nhau từ năm 2024, không ai quan tâm đến ai nữa do vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng chị V và anh Q đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị V và anh Q ly hôn.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị V và anh Q có với nhau 02 con chung là cháu Mùi Nguyệt L, sinh ngày 01/01/2007 hiện nay cháu đã trưởng thành trên 18, cháu Mùi Thị Kim H, sinh ngày 31/10/2011, các cháu không mất năng lực hành vi dân sự.

Chị V và anh Q đều có ý kiến, sau khi chị V và anh Q ly hôn, nguyện vọng của cháu H ở với ai là Q của cháu quyết định.

Tòa án đã ghi ý kiến của cháu H để biết sau khi bố mẹ ly hôn cháu xin ở với anh, tại biên bản nguyện vọng của cháu xin được ở anh Q, sau khi bố mẹ ly hôn.

Xét thấy cháu H là con gái, sau khi chị V và anh Q ly hôn, chị V là mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi cháu H là phù hợp, nắm bắt hiểu rõ tâm sinh lý của cháu, xét thấy nguyện vọng của cháu H xin được ở với chị V là chính đáng, tự nguyện không bị tác động ép buộc của anh Q hay chị V, do đó cần giao Mùi Thị Kim H cho chị Mùi Thị V trực tiếp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi cháu H trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị Mùi Thị V, chưa yêu cầu anh Mùi Văn Q phải đóng góp tiền nuôi cháu H cùng chị, xét là tự nguyện cần chấp nhận. Do đó tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi cháu H cùng chị V cho anh Q.

[4] Về tài sản chung:

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa anh Mùi Văn Q giữ nguyên ý kiến nếu phải ly hôn, anh không có tranh chấp gì về tài sản, tự nguyện giao lại toàn bộ tài sản là 01 ngôi nhà xây cấp 4, 03 phòng ngủ, 01 phòng khách, được xây dựng trên diện tích đất mượn của bà Mùi Thị T (mẹ đẻ chị V) cho chị Mùi Thị Vỹ và các con sử dụng, không yêu cầu chị V phải trả lại tiền chênh lệch tài sản cho anh, căn cứ khoản 1 Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét việc anh Q tự nguyện giao cho chị V được sử dụng ngôi nhà và không yêu cầu chị V phải trả lại tiền chênh lệch giá trị ngôi nhà cho anh là không trái pháp luật cần ghi nhận.

[5] Do ngôi nhà chị V và anh Q xây dựng trên diện tích đất mượn của bà Mùi Thị T (mẹ đẻ chị V), sau khi ly hôn anh Q đã tự nguyện giao lại cho chị V quản lý, sử dụng. Do vậy chị V có trách nhiệm trả lại diện tích đất đã mượn của bà T, khi bà T có yêu cầu.

[5] Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ ai, nên không đề cập việc giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Mùi Thị V phải chịu án phí DS/ST và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84; 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử cho chị Mùi Thị V được ly hôn với anh Mùi Văn Q.

2. Về con chung:

Đối với cháu Mùi Nguyệt L, sinh ngày 01/01/2007 hiện nay cháu đã trưởng thành trên 18, cháu không mất năng lực hành vi dân sự, nên không giao cụ thể cho ai trực tiếp nuôi dưỡng.

Giao cháu cháu Mùi Thị Kim H, sinh ngày 31/10/2011 cho chị Mùi Thị V trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn việc đóng góp tiền nuôi con cho anh Q do chị V chưa yêu cầu.

Không bên nào được cản trở Q thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau ly hôn.

3. Về tài sản chung:

Chị Mùi Thị V được quản lý sử dụng 01 ngôi nhà xây cấp 4, 03 phòng ngủ, 01 phòng khách được xây trên đất của bà Mùi Thị T (mẹ đẻ chị Mùi Thị V), chị Mùi Thị V không phải trả lại tiền chênh lệch tài sản cho anh Mùi Văn Q vì anh Mùi Văn Q không yêu cầu. Ngôi nhà được xây trên đất mượn của bà Mùi Thị T (mẹ đẻ chị Mùi Thị V), nằm trên diện tích đất mượn của bà Mùi Thị T.

4. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định quá trình chung sống không có nợ ai, nên không đề cập việc giải quyết.

5. Chị Mùi Thị V có trách nhiệm trả lại cho bà Mùi Thị T diện tích đất đã mượn làm nhà ở khi bà Mùi Thị T yêu cầu.

6. Về án phí: Chị Mùi Thị V phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DS/ST, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002891, ngày 10/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

7. Về Q kháng cáo:

Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/5/2025).

Người có Q lợi nghĩa vụ liên quan có Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có Q thỏa thuận thi hành án, Q yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKS nhân dân thị xã Mộc Châu;
- Chi cục THADS thị xã Mộc Châu;
- UBND xã Đoàn Kết, thị xã Mộc Châu, tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Như Khánh

Các hội thẩm

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Thị Minh và Hoàng Thị Hội

Đỗ Như Khánh

